

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĂN YÊN  
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 29-04-2022  
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI.**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Chu Thị Thoảng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Trần Thị Bích Huệ

Ông Phạm Thanh Châu Giang

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Tiến Thành – Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa:** Ông Lộc Hồng Điệp – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 04 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con. Theo quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 04 năm 2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Anh Hoàng Văn D, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn K, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái (có mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Đặng Thị Bình - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Yên Bái (có mặt).

**2. Bị đơn:** Chị Nông Thị H, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn K, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Hoàng Văn D trình bày: Tôi và chị Nông Thị H kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện. Đăng ký ngày 30/10/2004 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc đến tháng 02/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tôi và chị H không hợp nhau, sau đó chị H tự ý bỏ nhà đi làm ăn xa ở dưới Hà Nội không xin phép ý kiến của tôi. Đến

tháng 10/2021 chị H có về nhà ít ngày bên bố mẹ đẻ, sau đó lại đi làm ăn từ đó cho đến nay. Chị H có gọi điện cho tôi hỏi thăm về con cái tôi có nói giờ yêu cầu giải quyết ly hôn và chị H có nói với tôi là tự giải quyết với Tòa án và không về. Chúng tôi sống ly thân nhau từ tháng 10/2021 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn chị H.

Về con chung: Có 03 cháu: Hoàng Đình H, sinh ngày 16/07/2004; Hoàng Thu H, sinh ngày 03/12/2006; Hoàng Anh T, sinh ngày 10/02/2015. Hiện nay ba con đang ở cùng tôi. Khi ly hôn tôi nhận nuôi cả 03 con và không yêu chị H cấp dưỡng nuôi con. Thu nhập của tôi đi làm thuê một tháng được 8.000.000đồng đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án. Tòa án nhân dân huyện V đã nhiều lần báo gọi và gửi Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị H không có mặt theo các giấy tờ của Tòa án. Hiện nay hộ khẩu của chị H tại thôn K, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các giấy tờ của Tòa án cho chị H. Ông N là bố đẻ chị H trực tiếp nhận đã giao và thông báo cho chị H biết việc anh D đang xin ly hôn chị nhưng chị H cố tình trốn tránh không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa án không thể lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự được.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Hoàng Văn D đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Hoàng Văn D được ly hôn chị Nông Thị H. Căn cứ Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình xử giao ba cháu Hoàng Đình H, Hoàng Thu H, Hoàng Anh T cho anh Hoàng Văn D nuôi dưỡng. Chị Nông Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Anh D là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho anh Hoàng Văn D.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Hoàng Văn D được ly hôn chị Nông Thị H. Căn cứ Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình xử giao ba cháu Hoàng Đình H, Hoàng Thu H, Hoàng Anh T cho anh Hoàng Văn D nuôi dưỡng. Chị Nông Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Anh D là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho anh Hoàng Văn D.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập bị đơn hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn D và chị Nông Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 30 tháng 10 năm 2004 là hôn nhân hợp pháp. Anh D cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc đến tháng 02/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh D và chị H không hợp nhau, sau đó chị H tự ý bỏ nhà đi làm ăn xa ở dưới Hà Nội không xin phép ý kiến của anh. Đến tháng 10/2021 chị H có về nhà ít ngày bên bố mẹ đẻ, sau đó lại đi làm ăn từ đó cho đến nay. Chị H có gọi điện cho anh D hỏi thăm về con cái anh D có nói giờ yêu cầu giải quyết xin ly hôn và chị H có nói với anh D là tự giải quyết với Tòa án và không về. Anh chị sống ly thân nhau từ tháng 10/2021 cho đến nay không còn tình cảm vợ chồng với nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Anh D xin ly hôn chị H là có căn cứ.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Hoàng Văn D và phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đã xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Anh D và chị H hiện nay đã sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai nữa. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa anh D và chị H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho anh D được ly hôn chị H là có căn cứ.

[4] Về con chung: Có 03 cháu: Hoàng Đình H, sinh ngày 16/07/2004; Hoàng Thu H, sinh ngày 03/12/2006; Hoàng Anh T, sinh ngày 10/02/2015. Hiện nay cả 03 cháu đang ở cùng anh D. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu được ổn định, đầy đủ và theo nguyện vọng của các cháu. Do vậy cần giao ba cháu Hoàng Đình H, Hoàng Thu H, Hoàng Anh T cho anh D nuôi dưỡng. Chị H không phải

cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Anh D là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho anh Hoàng Văn D.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 56; 57; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Hoàng Văn D được ly hôn chị Nông Thị H.

2. Về con chung: Xử giao cháu Hoàng Đình H, sinh ngày 16/07/2004; Hoàng Thu H, sinh ngày 03/12/2006; Hoàng Anh T, sinh ngày 10/02/2015 cho anh Hoàng Văn D trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Chị Nông Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Hoàng Văn D được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Hoàng Văn D được hoàn trả lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2021/0001396 ngày 17 tháng 02 năm 2022 tại Thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

5. Về quyền kháng cáo: Anh D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Bà B
- UBND xã P.
- Lưu HS-TQĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Chu Thị Thoảng**